

Bản án số: 347/2022/HSPT

Ngày: 18/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 215/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hồng M và đồng phạm về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2021/2022/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Hồng M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 01/01/1968; tại huyện H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Buôn M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn H1 (đã chết) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1934; vợ là Lê Thị Ái D sinh năm 1974, có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp cho bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Văn Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 06/8/1974; tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 6A, xã H1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: nguyên Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Th (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1949; vợ là Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1972, có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp cho bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn V; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 05/10/1975; tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 2, xã E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trưởng phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn H, sinh năm 1952 và bà Trần Thị T (đã chết); vợ là Lê Đặng Thị Hạnh V, sinh năm 1981, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp cho bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phạm Văn K; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 18/02/1962; tại huyện HN, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 5, xã E2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Phân trường trưởng Phân trường 3 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn M1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1931; vợ là Đỗ Thị T1 sinh, năm 1965, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 04/02/2021 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Phước H1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10/11/1963; tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Số 39 thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên Phân trường 3 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn C1 (đã chết) và bà Trần Thị Kim Ph1 (đã chết); vợ là Lâm Thị Phúc D, sinh năm

1965, có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2020 đến ngày 04/02/2021 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Đào Thanh H2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 16/10/1968; tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn E4, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Phân trường trưởng Phân trường 1 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 12/12; con ông Đào Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1937; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/04/2020 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Hữu Th; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 12/7/1971; tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Số 170 Ngô Gia Tự, khối 1, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên Phân trường 1 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E, huyện E; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Đang đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Hữu Ph2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1 (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977, có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/04/2020 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lưu Minh Th1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 15/10/1984; tại huyện B3, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Số 58 buôn T3, xã E2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên Phân trường 1 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lưu Thanh B2, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; vợ là Trần Thị O, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2020 đến ngày 04/04/2020 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Nguyễn Văn T2; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 21/11/1986; tại huyện K1, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Khối 8, thị trấn E,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên Phân trường 1 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1966; vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1989; có một con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/04/2020 được Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp tạm giam áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa

**** Người bào chữa cho các bị cáo:***

1. Người bào chữa cho các bị cáo Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Hữu Th: Luật sư Tạ Minh Tr – Công ty Luật TNHH O1, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng M: Luật sư Đặng T4 – Công ty luật TNHH MTV Đ2, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước H1: Luật sư Đặng Ngọc H3 và Mai Thị Ngọc A – Luật Sư Văn phòng luật sư TN, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Luật sư H3 có mặt, luật sư A vắng mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn Đ: Luật sư Nguyễn Văn Q và luật sư Lê Thị Bích H4 – Luật sư thuộc Hãng Luật HY – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Quận Y1, thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư H4 có mặt, luật sư Q vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E.

Đại diện: Ông Nguyễn Phi T5 – Phó giám đốc, phụ trách quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty. Có mặt.

Địa chỉ: Số 259 đường N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H5 – Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm. Có mặt.

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Ngô Phi Ch; địa chỉ: Thôn 14, xã Ea Dar, huyện E, Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Đại diện hợp pháp của Hạt kiểm lâm huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Địa chỉ: TT. E, huyện E, Đắk Lắk.

5 Đại diện Ủy ban nhân dân xã C2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: xã C2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T6; địa chỉ: xã E2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
7. Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk
Địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
8. Bà Kiều Thị L; trú tại: Số 31 Ngô Gia Tự, TDP 2A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*** Giám định viên:**

1. Ông Nguyễn Thanh D1 – Phó phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thành phố B, Đắk Lắk. Có mặt.
2. Ông Lê Trọng Ng1 – Kiểm lâm viên, Hạt kiểm lâm huyện K4; địa chỉ: Số 4 TL12, thị trấn K2, huyện K4, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
3. Ông Hồ Văn L1 – Kiểm lâm viên, Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR số 3, Chi cục kiểm lâm; địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt
4. Ông Nguyễn Đức Đ3 – Giảng viên Bộ môn thực vật rừng, Khoa nông lâm, trường Đại học TN1; địa chỉ: Số 567 đường L2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Văn H6 – Phó phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục kiểm lâm; địa chỉ: Thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.
6. Ông Nguyễn Quang Tr – Hạt kiểm lâm huyện C2, Chi cục kiểm lâm; địa chỉ: huyện C2, Đắk Lắk. Vắng mặt.
7. Ông Trần Văn T7 – Chi cục kiểm lâm; địa chỉ: Thành phố B, Đắk Lắk. Có mặt.
8. Ông Quách Trung H7 – Chi cục kiểm lâm; địa chỉ: Thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E (gọi tắt là Công ty Lâm nghiệp E) được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000174543 đăng ký lần đầu ngày 26/11/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19/9/2011; địa chỉ trụ sở chính: Số 259 đường N, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Ngành, nghề kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Vốn Điều lệ: 17.466.734.524 đồng; Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk; Hoạt động trên cơ sở Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt, Đề án chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp E thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;

Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 và Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Công ty Lâm nghiệp E; Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ban hành ngày 28/4/2008 và ngày 16/02/2019 (trong đó xác định nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng là nhiệm vụ chủ yếu của Công ty).

Ngày 01/4/2014, Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 35/QĐ-CT về phân công nhiệm vụ cho Ban Giám đốc Công ty Lâm nghiệp E, theo đó tổ chức bộ máy có: Chủ tịch kiêm Giám đốc; 02 Phó Giám đốc; trong đó: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Hồng M, được bổ nhiệm theo Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk; thời hạn giữ chức vụ: 05 năm, kể từ ngày 01/8/2011 - 01/8/2016 hết hiệu lực; Phó Giám đốc - phụ trách công tác Quản lý bảo vệ rừng: Ông Phan Văn Đ, được bổ nhiệm theo Quyết định số 32/QĐ-CT ngày 31/3/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; nhiệm kỳ: 05 năm, kể từ ngày 01/4/2014 - 01/4/2019; Phó Giám đốc: Bà Kiều Thị L, được bổ nhiệm theo Quyết định số 16/QĐ-CT ngày 02/5/2013 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty; nhiệm kỳ: 05 năm, kể từ ngày 02/5/2013 - 02/5/2018 hết hiệu lực.

Công ty Lâm nghiệp E có 04 Phòng nghiệp vụ chuyên môn gồm: Phòng tổ chức - Hành chính; Phòng kế toán - Tài vụ; Phòng Quản lý - Phát triển Cao su và Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng. Trong đó Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng với biên chế 24 người, tổ chức thành 01 Đội Quản lý bảo vệ rừng lưu động và 04 Phân trường (trước đó là 04 phân trường), phụ trách quản lý các Tiểu khu gồm:

- Phân trường 1 phụ trách các tiểu khu 692, 680, 681, 686 tại địa bàn xã C2; và tiểu khu 675b xã E3, huyện E;
- Phân trường 2 phụ trách các tiểu khu 687b, 693, 699, 703, 704 và khoảnh 3, 6, 8, 9 thuộc tiểu khu 697 tại địa bàn xã C4, xã Cư Elang, huyện E;
- Phân trường 3 phụ trách các tiểu khu 667, 670, 676, 675a và 666 tại địa bàn xã C3, huyện E;
- Phân trường 4 phụ trách các tiểu khu 698, 701, 702 và các khoảnh 1, 2, 4, 5, 7, 10 thuộc tiểu khu 697 tại địa bàn xã C4, huyện E.

Với chức trách, nhiệm vụ của Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Phòng kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng, Phân trường trưởng và Nhân viên Phân trường 1; Phân trường 3 có chức vụ, quyền hạn được giao trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ngày 28/4/2008 và ngày 16/02/2019; Nội

quy, quy chế làm việc của lực lượng quản lý bảo vệ rừng ban hành ngày 20/4/2016 của Công ty Lâm nghiệp E; các văn bản, Kế hoạch triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn Công ty Lâm nghiệp E hàng năm của Công ty Lâm nghiệp E dẫn đến hậu quả thiệt hại, trách nhiệm thuộc các cá nhân cụ thể:

1. Đối với các cá nhân là Giám đốc, phó Giám đốc và trưởng phòng kỹ thuật - quản lý bảo vệ rừng thuộc Công ty Lâm nghiệp E:

1.1 Đối với Nguyễn Hồng M: Với vai trò là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty Lâm nghiệp E, trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty từ ngày 01/8/2011 - 18/10/2019, Nguyễn Hồng M đã có những vi phạm như sau:

Việc theo dõi diễn biến rừng giao cho cấp dưới thực hiện, còn thực tế cấp dưới có thực hiện hay không thì M không kiểm tra nên không biết, không nắm được hàng năm diện tích rừng do Công ty quản lý bị mất bao nhiêu, mất tại vị trí nào. Kết quả công tác quản lý bảo vệ rừng thì M chỉ nghe cấp dưới báo cáo lại qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, nhưng không kiểm tra lại nội dung, số liệu báo cáo là có đúng thực tế hay không; dẫn đến diện tích rừng bị phá, đất rừng bị lấn chiếm hàng năm rất lớn nhưng M không nắm được để chỉ đạo và đưa ra những giải pháp cụ thể để chấn chỉnh công tác quản lý và bảo vệ rừng.

- Là người đứng đầu Công ty, lãnh đạo toàn bộ lực lượng quản lý bảo vệ rừng; tổ chức, phân công, bố trí nhân sự cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng; hàng năm M ký ban hành các quyết định điều động, bổ nhiệm nhân sự quản lý bảo vệ rừng cho các Phân trường; tuy nhiên không trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo kiểm tra kết quả hoạt động của nhân viên các Phân trường nên không biết được kết quả thực hiện của nhân viên các Phân trường. Nhân viên các Phân trường không mở sổ theo dõi, cập nhật tình hình quản lý bảo vệ rừng để báo cáo hàng tuần, hàng tháng; Không phân công địa bàn cho từng nhân viên quản lý mà để cho các nhân viên cùng nhau quản lý chung các tiểu khu được giao; Không phân công lịch tuần tra quản lý bảo vệ rừng; nhân viên không có sổ nhật ký công tác, dẫn đến không xác định được cụ thể hàng ngày nhân viên của Phân trường đi đâu, làm gì. Hàng tháng không tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của nhân viên Phân trường; Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng của Công ty có phân công lịch trực, lịch tuần tra cho các Phân trường, nhưng Phân trường không nhận xét, đánh giá kết quả vào lịch phân công nên không xác định được nhân viên các Phân trường có thực hiện theo lịch phân công hay không; dẫn đến có nhiều nhân viên Phân trường trong một thời gian dài không đi tuần tra, bảo vệ rừng, không thực hiện nhiệm vụ, tự ý nghỉ ở nhà khi chưa được sự cho phép của Lãnh đạo Công ty; hàng ngày nhân viên Phân trường 1, Phân trường 3 đi làm việc tại Phân trường, nhưng đến khoảng 17 giờ là tất cả về nhà, không phân công trực, tuần tra đêm trong một thời gian dài dẫn đến việc các đối

tượng đã lợi dụng việc sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý bảo vệ rừng để thực hiện hành vi khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép trong thời gian dài nhưng không biết và không kịp thời ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

- Hầu hết các diện tích rừng do Công ty quản lý chỉ có đường độc đạo để đi vào và ra, thuận lợi cho quá trình tuần tra, kiểm soát, bảo vệ rừng; nhưng M không chỉ đạo để lập chốt ngăn chặn; không yêu cầu nhân viên quản lý bảo vệ rừng tăng cường tuần tra, kiểm soát các khu vực này, dẫn đến không phát hiện được đối tượng phá rừng đi vào khai thác trái phép rừng tự nhiên, lấn chiếm đất rừng với diện tích lớn trong thời gian dài.

Mặc dù hàng năm M vẫn chỉ đạo cấp dưới lập kế hoạch tuần tra, truy quét, quản lý bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; tuy nhiên mỗi năm số lần đi truy quét rất ít và không hiệu quả. Việc cập nhật diễn biến tài nguyên rừng chỉ đến cuối năm Công ty mới cập nhật, dẫn đến khi cập nhật phát hiện diện tích rừng tự nhiên bị phá, khai thác trái phép với số lượng lớn, nhưng do các Phân trường không báo cáo nên không xác định được thời gian rừng bị phá, địa điểm bị phá, hiện trạng; M không kiểm tra kết quả, dẫn đến số liệu cập nhật để báo cáo với cơ quan chức năng không đúng với thực tế, nhưng không có ý kiến chỉ đạo khắc phục mà vẫn ký duyệt các văn bản để báo cáo số liệu không chính xác với các cơ quan có thẩm quyền.

- Từ năm 2015 - 2019 Công ty Lâm nghiệp E đã chi cho công tác QL BV RTT số tiền 8.328.630.295 đồng từ nguồn chi phí Dịch vụ Môi trường rừng; nhưng lực lượng quản lý bảo vệ rừng hoạt động không hiệu quả, cụ thể: chỉ phát hiện lập biên bản được 117 vụ phá rừng, diện tích 106,009 ha, với 13 đối tượng; trong khi đó theo kết quả Hồ sơ chi trả tiền Dịch vụ môi trường rừng xác định bị suy giảm 1.783,95 ha rừng, nhưng Công ty chỉ cập nhật diễn biến rừng được 779,2 ha (theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND huyện E đối chiếu với Kết quả Kiểm kê rừng năm 2014) và M không có ý kiến chỉ đạo triển khai các biện pháp ngăn chặn, xử lý.

Nguyễn Hồng M đã không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao theo các quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004: "*Chủ rừng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi diễn biến tài nguyên rừng*" (Điều c, Khoản 1, Điều 32); "*Chủ rừng có trách nhiệm bảo vệ rừng của mình, xây dựng phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng, phòng chống chặt phá rừng ...*" (Khoản 1, Điều 37); "*Chủ rừng có nghĩa vụ bảo toàn vốn rừng và phát triển rừng bền vững; Tổ chức bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án đã được phê duyệt*" (Khoản 1, 2, Điều 60);

+ Luật Lâm nghiệp năm 2017: "*Chủ rừng theo dõi diễn biến rừng được thực hiện hằng năm nhằm nắm vững hiện trạng diện tích các loại rừng, đất chưa có rừng; biến động diện tích các loại rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng*" (Khoản 1, Điều 35); "*Chủ rừng có trách nhiệm trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng ...*" (Khoản 3, Điều 41); *Nghĩa vụ chung của chủ rừng: 1. Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng* (Điều 74).

+ Vi phạm Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ Quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ: "*Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện*".

+ Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ban hành ngày 28/4/2008 (Điều 6 Mục II) và ngày 16/02/2019 (Điều 5 Mục II), quy định: *Giám đốc và các Phó giám đốc kiểm tra chặt chẽ và xử lý kịp thời những vấn đề thuộc thẩm quyền một cách hiệu quả và báo cáo tình hình cho các cấp có thẩm quyền liên quan.*

+ Ngoài ra, vì động cơ, mục đích cá nhân, ông Nguyễn Hồng M đã yêu cầu ông Phan Văn Đ - Phó Giám đốc Công ty ký Quyết định số 01/QĐ-CT ngày 16/01/2017 của Công ty Lâm nghiệp E với chức danh Chủ tịch Công ty (vượt quá thẩm quyền của ông Đ) để bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng M giữ chức vụ Giám đốc Công ty trong thời hạn 05 năm từ năm 2017 - 2022 (giai đoạn này Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 03/8/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk bổ nhiệm ông M giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty hết thời hạn, hiệu lực) (BL: 790-812).

Như vậy, Nguyễn Hồng M là người đứng đầu Công ty Lâm nghiệp E, nhưng đã thiếu kiểm tra, chỉ đạo, giám sát hoạt động của cấp dưới, buông lỏng quản lý, thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, dẫn đến hậu quả tổng giá trị thiệt hại tài nguyên rừng của Công ty Lâm nghiệp E từ năm 2015 - 2019 theo hồ sơ vụ án xác định là 29.408.794.002 đồng.

1.2 Đối với Phan Văn Đ: Là Phó Giám đốc Công ty được phân công phụ trách công tác quản lý bảo vệ rừng, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành công tác của lực lượng quản lý bảo vệ rừng của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong công tác quản lý bảo vệ rừng; tham mưu cho Giám đốc Công ty về vấn đề tổ chức, phân công, bố trí nhân sự cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra, đôn đốc Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng và nhân viên các Phân trường thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng theo nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, Đ đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định; không kiểm tra cụ thể kết quả công việc của cấp dưới về tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; không chỉ đạo thống kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng dẫn đến không nắm được diễn biến tài nguyên rừng bị thiệt hại; từ đó không đề ra được biện pháp khắc phục, chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng quản lý bảo vệ rừng, không phát hiện, ngăn chặn được tình trạng phá rừng, khai thác trái phép rừng tự nhiên, lấn chiếm đất rừng với diện tích lớn trong thời gian dài; không kiểm tra, giám sát, chỉ đạo kiểm tra kết quả hoạt động của nhân viên các Phân trường nên không biết được vi phạm của cán bộ, nhân viên các Phân trường; thiếu trách nhiệm trong công tác dẫn đến dễ xảy ra thiệt hại về tài nguyên rừng; không tham mưu cho Giám đốc Công ty lập chốt kiểm soát, ngăn chặn, chỉ đạo tăng cường tuần tra, kiểm soát các tuyến đường độc đạo để đi vào và ra khỏi rừng, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm phá rừng, khai thác rừng trái phép; không tham mưu, chỉ đạo thực hiện việc cập nhật diễn biến rừng kịp thời, đúng thực tế.

- Hàng năm Công ty Lâm nghiệp E đề ra Kế hoạch triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, trong đó giao cho Đ chỉ đạo theo dõi, triển khai thực hiện kế hoạch; tuy nhiên Đ chỉ tham mưu cho Giám đốc Công ty thành lập đoàn truy quét phá rừng, mỗi đợt chỉ đi được 02 ngày (có khi cả quý trong năm không triển khai), số lượt truy quét rất ít và không hiệu quả, hầu như không phát hiện được đối tượng phá rừng; nhưng diện tích rừng tại các điểm nóng vẫn liên tục bị phá, khai thác trái phép mà không phát hiện được (BL: 1342-1357).

Như vậy, Phan Văn Đ là phó Giám đốc Công ty được giao phụ trách về công tác quản lý bảo vệ rừng nhưng Đ đã không thực hiện, thực hiện không đúng quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E; Kế hoạch triển khai hàng năm của Công ty về quản lý bảo vệ rừng; gây hậu quả tổng giá trị thiệt hại tài nguyên rừng của Công ty Lâm nghiệp E từ năm 2015 - 2019 theo hồ sơ vụ án xác định là 29.408.794.002 đồng.

1.3 Đối với Nguyễn Văn V: Là Trưởng phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng của Công ty Lâm nghiệp E theo Quyết định số 47/QĐ-CT ngày 26/6/2014.

Khi được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng thì khi giao, nhận diện tích rừng để quản lý bảo vệ, V chỉ thực hiện công việc giao, nhận trên giấy tờ mà không giao, nhận trên thực địa; sau đó không kiểm tra lại nên không xác định được giữa thực tế và giấy tờ có đúng hay không; diện tích rừng do Công ty thực tế quản lý là bao nhiêu trên thực địa.

Là Trưởng phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng, thay mặt Giám đốc Công ty kiểm tra, đôn đốc công tác quản lý bảo vệ rừng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong công tác quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra, đôn đốc nhân

viên Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng và nhân viên các Phân trường thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng theo nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, V đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao theo quy định; không kiểm tra, giám sát cụ thể kết quả công việc của nhân viên các Phân trường về công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, nên không biết được vi phạm của cán bộ, nhân viên các Phân trường thiếu trách nhiệm trong công tác dẫn đến dễ xảy ra thiệt hại về tài nguyên rừng, không kịp thời đề ra các biện pháp ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý; không tham mưu lãnh đạo Công ty lập chốt kiểm soát, ngăn chặn, chỉ đạo tăng cường tuần tra, kiểm soát các tuyến đường độc đạo dễ đi vào và ra khỏi rừng nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm phá rừng, khai thác rừng trái phép.

Theo quy định thì V phải tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên lâm phần do Công ty quản lý; xây dựng phương án quản lý bảo vệ rừng, phương án phòng cháy chữa cháy; nắm cụ thể tình hình diện tích rừng và đất rừng, thường xuyên cập nhật diễn biến tài nguyên rừng để báo cáo cho Ban Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu báo cáo. Tuy nhiên V không tham mưu thực hiện việc cập nhật diễn biến tài nguyên rừng kịp thời, đúng thực tế; Phòng kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng đến cuối năm mới thực hiện việc cập nhật diễn biến tài nguyên rừng thông qua việc đối chiếu số liệu với các cơ quan chuyên môn và phát hiện diện tích rừng tự nhiên bị phá, khai thác trái phép với số lượng lớn, nhưng do các Phân trường không báo cáo nên không xác định được thời gian phá, địa điểm bị phá, hiện trạng; không tham mưu cho Lãnh đạo Công ty tổ chức, triển khai cho rà soát, thống kê các diện tích rừng bị phá, đất rừng bị lấn chiếm theo quy định, dẫn đến việc báo cáo số liệu diện tích rừng bị phá, hủy hoại, lấn chiếm hàng năm không đúng với thực tế; vẫn tham mưu cho lãnh đạo Công ty ký duyệt nhiều văn bản để báo cáo số liệu không đúng với các cơ quan có thẩm quyền.

Hàng năm Công ty Lâm nghiệp E đề ra Kế hoạch triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, trong đó giao V chỉ đạo, theo dõi, triển khai thực hiện kế hoạch; tuy nhiên V chỉ tham mưu Giám đốc thành lập đoàn truy quét phá rừng, mỗi đợt chỉ đi được 02 ngày (có khi cả quý trong năm không triển khai), số lượt truy quét rất ít và không hiệu quả, hầu như không phát hiện được đối tượng phá rừng; nhưng diện tích rừng tại các điểm nóng vẫn liên tục bị phá, khai thác trái phép mà không phát hiện được; cụ thể: Từ năm 2015 - 2019 chỉ phát hiện, lập biên bản 117 vụ phá rừng, với diện tích 106,009 ha và 13 đối tượng; trong khi đó theo kết quả Hồ sơ chi trả tiền Dịch vụ môi trường rừng xác định diện tích rừng bị suy giảm 1.783,95 ha, nhưng V cũng không có ý kiến và không tham mưu đề xuất được giải pháp để ngăn chặn, xử lý kịp thời (BL: 1439-1456).

Như vậy, Nguyễn Văn V đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của pháp luật và của Công ty Lâm nghiệp E, cụ thể: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ngày 28/4/2008 (Khoản 3, Điều 13) và ngày 16/02/2019 (Khoản 3 Điều 12, Mục V), quy định: *Phòng Kỹ thuật - QLVR thay mặt Giám đốc kiểm tra, đôn đốc, điều hành các bộ phận trực thuộc phòng hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu: Quản lý bảo vệ rừng và phát triển vốn rừng*; Điều 3.1, Mục 3 (Trách nhiệm của Trưởng phòng KT-QLVR) của Nội quy, quy chế làm việc của lực lượng quản lý bảo vệ rừng ngày 20/4/2016 của Công ty Lâm nghiệp E; Kế hoạch triển khai hàng năm của Công ty Lâm nghiệp E về quản lý bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; Mục 2, Phần II (Nội dung triển khai) của Kế hoạch số 01/KH-CT ngày 28/01/2019 triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn Công ty Lâm nghiệp E năm 2019; gây hậu quả thiệt hại tài nguyên rừng của Công ty Lâm nghiệp E từ năm 2015 - 2019 theo hồ sơ vụ án xác định là 29.408.794.002 đồng.

2. Đối với các cán bộ, nhân viên Phân trường 3 thuộc Công ty Lâm nghiệp E:

Căn cứ Quyết định số 5/QĐ-CT ngày 10/01/2018, Quyết định số 19c/QĐ-CT ngày 18/3/2019, của Công ty Lâm nghiệp E, phân công và bàn giao địa bàn cho Phân trường 3 trực tiếp phụ trách: Tiểu khu 667, 670, 676, 675a, và 666, tại xã C3, huyện E; Phân trường 3 gồm các nhân viên:

Phạm Văn K - Phân trường trưởng, được điều động theo Quyết định số 62/QĐ-CT ngày 24/11/2012 của Giám đốc Công ty Lâm nghiệp E, kể từ ngày 30/11/2012.

Nguyễn Phước H1 - Nhân viên, được điều động theo Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 06/5/2013 của Công ty Lâm nghiệp E, kể từ ngày 06/5/2013.

Nguyễn Văn T8 - Nhân viên, được điều động theo Quyết định số 22/QĐ-Cty ngày 02/5/2018 của Giám đốc Công ty Lâm nghiệp E;

Đinh Trọng L3 - Nhân viên tạm tuyển từ tháng 3/2020;

Phân trường 3 thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ban hành ngày 28/4/2008 và ngày 16/02/2019; Nội quy, quy chế làm việc của lực lượng Quản lý bảo vệ rừng ngày 20/4/2016.

Căn cứ Kết luận giám định ngày 10/4/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk ban hành theo Quyết định trưng cầu giám định số 678/QĐ-CSKT ngày 21/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk; Kết luận định giá tài sản số 1312/KL-ĐGTS ngày 19/5/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, và kết quả điều tra, xác định:

Thiệt hại tài nguyên rừng do Công ty Lâm nghiệp E quản lý, gồm 302,82 ha rừng tự nhiên tại thời điểm tháng 01/2015 có trữ lượng gỗ 28.788,13 m³ với giá trị lâm sản 28.241.467.602 đồng, trong đó tại Tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 quản lý tại xã C3, huyện E có diện tích rừng bị thiệt hại là 135,17 ha với trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ, trị giá lâm sản 13.858.383.292 đồng, cụ thể:

Tại Tiểu khu 667, gồm: Lô 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 31 Khoảnh 2; Lô 18, 19, 20 Khoảnh 3; Lô 12, 14, 15, 19 Khoảnh 4; Lô 2, 3, 7, 8, 11 Khoảnh 5; Lô 4, 7 Khoảnh 8, thiệt hại diện tích 80,03 ha, với trữ lượng 9.533,50 m³ gỗ, có giá trị: 9.526.818.995 đồng;

Tại Tiểu khu 670, gồm: Lô 24, 26 Khoảnh 1; Lô 22, 24, 32, 33, 34 Khoảnh 2; Lô 13 Khoảnh 3; Lô 13, 15 Khoảnh 5; Lô 3, 6, 8, 9 Khoảnh 6; thiệt hại diện tích 24,40 ha, với trữ lượng 2.663,03 m³ gỗ, có giá trị: 2.595.876.227 đồng;

Tại Tiểu khu 675a, gồm: Lô 6, 8, 9, 12 Khoảnh 3; Lô 5, 6, 12 Khoảnh 5; Lô 6 Khoảnh 6; Lô 6 Khoảnh 10; Lô 4, 11, 14, 16, 17 Khoảnh 12; thiệt hại diện tích 30,74 ha, với trữ lượng 1.898,49 m³ gỗ, có giá trị: 1.735.688.070 đồng.

Để xảy ra thiệt hại tài nguyên rừng tại Tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 thuộc Công ty lâm nghiệp E quản lý từ năm 2015 - 2019 với tổng diện tích 135,17 ha, trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ, trị giá lâm sản 13.858.383.292 đồng, thuộc trách nhiệm các cá nhân như sau:

Đối với Phạm Văn K - Phân trường trưởng Phân trường 3: Đã từng nhiều năm làm nhân viên Phân trường 3 (từ năm 1995 - 1998), Phân trường trưởng Phân trường 3 (từ năm 1998 - 2009); từ năm 2009 - 2010 làm Phân trường trưởng Phân trường 4; từ năm 2010 - 2011 làm Đội trưởng Đội Quản lý bảo vệ rừng lưu động; từ năm 2011 - 11/2012 và từ năm 2013 đến năm 2020 làm Phân trường trưởng Phân trường 3; là người nắm vững các quy định của pháp luật về công tác quản lý bảo vệ rừng, các nội quy của Công ty, nhưng không thực hiện đúng các nội dung như sau:

+ Là Phân trường trưởng Phân trường 3 nhiều năm nhưng không nắm được mốc ranh giới diện tích rừng tự nhiên của các tiểu khu do Phân trường 3 quản lý.

+ Không mở sổ theo dõi, cập nhật tình hình để báo cáo hàng tuần, hàng tháng; Không phân công địa bàn cho từng nhân viên quản lý mà cùng nhau quản lý chung các tiểu khu được giao; Không phân công lịch tuần tra quản lý bảo vệ rừng; Nhân viên không có sổ nhật ký công tác, dẫn đến không xác định được cụ thể hàng ngày nhân viên của Phân trường đi đâu, làm gì; Hàng tháng không tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của nhân viên Phân trường;

+ Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng của Công ty có phân công lịch trực, lịch tuần tra cho Phân trường; nhưng Phân trường không nhận xét, đánh giá kết quả vào lịch phân công nên không xác định được nhân viên Phân trường 3 có thực hiện theo lịch phân công hay không; Phân trường không gửi lịch trực, lịch tuần tra về Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng theo nội quy quy định.

+ Khu vực rừng tự nhiên tại xã C3, huyện E đa số chỉ có một con đường độc đạo đi vào, nhưng không tham mưu cho lãnh đạo Công ty áp dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn các hành vi phá rừng, vận chuyển lâm sản trái phép. Trong một thời gian dài từ năm 2018, hàng ngày nhân viên Phân trường 3 đi làm việc tại phân trường, nhưng đến khoảng 17 giờ là tất cả về nhà mà không phân công nhân viên trực đêm, tuần tra, dẫn đến nhiều diện tích rừng bị phá, hủy hoại, khai thác trái phép nhưng không kịp thời phát hiện để báo cáo Công ty cập nhật diễn biến rừng.

+ Từ năm 2015 - 2019 nhân viên Phân trường 3 chỉ phát hiện và lập biên bản 10 vụ phá rừng, với diện tích 7,8 ha, không có đối tượng; trong khi đó Diện tích rừng được giám định tại 17 vị trí của 03 tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 quản lý, đối chiếu với Kết quả Kiểm kê rừng năm 2014 (được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 27/01/2015) xác định diện tích rừng suy giảm 135,17 ha, trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ, trị giá lâm sản 13.858.383.292 đồng; các cuộc họp giao ban Công ty thì Phạm Văn K đều báo cáo không có phá rừng mới, vận chuyển lâm sản trái phép rất hạn chế.

Phạm Văn K không thực hiện đúng các quy định của Công ty Lâm nghiệp E: Khoản 4 (Nhiệm vụ của các Phân trường, trạm, đội nói chung) - Điều 13 - Mục V (Chương trình làm việc, hội họp của cơ quan, các tổ chức trực thuộc) của Quy chế làm việc ban hành ngày 28/4/2008; Khoản 5 (Nhiệm vụ của các Phân trường, đội nói chung) - Điều 12 - Mục V (Chương trình làm việc, hội họp của cơ quan, các tổ chức trực thuộc) của Quy chế làm việc ban hành ngày 16/02/2019; Mục 1 (Trách nhiệm của Phân trường) của Nội quy, quy chế làm việc của lực lượng quản lý bảo vệ rừng ban hành ngày 20/4/2016; Các văn bản về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng hàng năm của Công ty; Điều 2 của các Quyết định số 5/QĐ-CT ngày 10/01/2018, Quyết định số 19c/QĐ-CT ngày 18/3/2019, của Công ty Lâm nghiệp E; Mục 2, Phần II (Nội dung triển khai) của Kế hoạch số 01/KH-CT ngày 28/01/2019 triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn Công ty Lâm nghiệp E năm 2019; dẫn đến hậu quả thiệt hại tài nguyên rừng tại Tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 thuộc Công ty Lâm nghiệp E quản lý từ năm 2015 - 2019 là 135,17 ha, có trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ với giá trị lâm sản 13.858.383.292 đồng.

Đối với Nguyễn Phước H1 - Nhân viên Phân trường 3: Là nhân viên Phân trường 3 của Công ty nhiều năm (từ tháng 5/2013 - 2020), có kinh nghiệm trong

công tác quản lý bảo vệ rừng; Phân trường trưởng Phân trường 3 không thực hiện theo đúng nội quy của Công ty, nhưng Nguyễn Phước H1 không có ý kiến mà vẫn đồng ý thực hiện theo; không thực hiện đúng các quy định của pháp luật và của Công ty về công tác quản lý bảo vệ rừng (*như đã viện dẫn với Phạm Văn K*), nên cùng chịu trách nhiệm với Phạm Văn K về hậu quả thiệt hại tài nguyên rừng tại Tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 quản lý từ năm 2015 - 2019 là 135,17 ha, trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ với giá trị 13.858.383.292 đồng, do cùng quản lý chung các Tiểu khu thuộc Phân trường 3 quản lý (BL:1439-1456; 1644-1665).

Như vậy, Phạm Văn K và Nguyễn Phước H1 là những người có chức trách, nhiệm vụ trong việc tuân tra, kiểm tra quản lý ... đối với các tiểu khu 667, 670, 676, 675a, và 666, tại xã C3, huyện E, nhưng trong một thời gia dài Phạm Văn K và Nguyễn Phước H1, thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, dẫn đến hậu quả thiệt hại tài nguyên rừng tại tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 thuộc Công ty Lâm nghiệp E quản lý từ năm 2015 - 2019 là 135,17 ha, có trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ với giá trị lâm sản 13.858.383.292 đồng.

3. Đối với các cán bộ, nhân viên và nhân viên phụ trách địa bàn Phân trường 1 thuộc Công ty Lâm nghiệp E:

Công ty Lâm nghiệp E ban hành Quyết định số 19b/QĐ-CT ngày 18/3/2019 phân công và bàn giao địa bàn thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, phát triển vốn rừng và các công việc khác trên lâm phần Công ty quản lý tại các tiểu khu 692, 686, 680, 681 thuộc địa bàn xã C2; tiểu khu 675b, xã E3, huyện E, cho tập thể Phân trường 1. Phân trường 1 có 04 nhân viên gồm:

Đào Thanh H2 - Phân trường trưởng, được điều động theo Quyết định số 73/QĐ-CT ngày 07/11/2017 của Giám đốc Công ty, kể từ ngày 07/11/2017.

Nguyễn Hữu Th - Nhân viên, được điều động theo Quyết định số 18/QĐ-CT ngày 02/5/2018 của Giám đốc Công ty, kể từ ngày 02/5/2018; Hiện đã được cho thôi việc theo Quyết định số 01/QĐ-CT ngày 02/01/2020 của Công ty.

Lưu Minh Th1 - Nhân viên, được điều động theo Quyết định số 02/QĐ-CT ngày 10/01/2019 của Giám đốc Công ty, kể từ ngày 10/01/2019.

Nguyễn Văn T2 - Nhân viên, được điều động theo Quyết định số 76/QĐ-CT ngày 03/12/2018 của Giám đốc Công ty, kể từ ngày 03/12/2018.

Phân trường 1 thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ban hành ngày 16/02/2019; Nội quy, quy chế làm việc của lực lượng Quản lý bảo vệ rừng ban hành ngày 20/4/2016. Nội quy quy định: "...*Các Phân trường thực hiện đầy đủ các Thông tư - Chỉ thị và hướng dẫn của Nhà nước nhằm bảo vệ, phát triển rừng và đất rừng hiện có. Dùng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn và xử lý tất cả các hành vi phá rừng, lấn chiếm và mua*

bán đất rừng trái phép, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép. Phân trường trưởng phải có kế hoạch phân công cho từng nhân viên và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao; Phải có lịch trực Quản lý bảo vệ rừng và phải tổ chức họp phân trường định kỳ 01 tháng 01 lần ...; Trên địa bàn được phân công quản lý mà để xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép thì phải chịu trách nhiệm... ".

Tại Mục 2, Phần II (Nội dung triển khai) của Kế hoạch số 01/KH-CT ngày 28/01/2019 triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn Công ty Lâm nghiệp E năm 2019, quy định: "... *Phân trường trưởng, Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng phải thường xuyên kiểm tra, giám sát trách nhiệm bảo vệ rừng, PCCC của các nhân viên trong Phân trường của mình khi giao trách nhiệm phối kết hợp với kiểm lâm địa bàn và UBND xã nơi đó. Phân trường trưởng phải chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc nếu không kịp thời phát hiện các hành vi phá rừng, khai thác rừng trái phép trên địa bàn mà mình quản lý. Thực hiện tốt lịch trực đã được ban hành...*".

Tuy nhiên, tại Phân trường 1 thực hiện nhiệm vụ không đúng theo nội quy quy định và chức trách, nhiệm vụ được giao, cụ thể: Không mở sổ theo dõi, cập nhật tình hình để báo cáo hàng tuần, hàng tháng; Không phân công địa bàn cho từng nhân viên quản lý mà cùng nhau quản lý chung các Tiểu khu được giao; Không phân công lịch tuần tra quản lý bảo vệ rừng; nhân viên không có sổ nhật ký công tác, không xác định được cụ thể hàng ngày nhân viên của Phân trường 1 làm gì, ở đâu; Hàng tháng không tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của nhân viên Phân trường 1; Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng của Công ty có phân công lịch trực, lịch tuần tra cho Phân trường, nhưng Phân trường không nhận xét, đánh giá kết quả vào lịch phân công nên không xác định được nhân viên Phân trường 1 có thực hiện theo lịch phân công hay không; Phân trường không gửi lịch trực, lịch tuần tra về Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng theo nội quy quy định. Khu vực rừng tự nhiên tại Tiểu khu 692 thuộc xã C2 chỉ có một con đường độc đạo đi vào; nhưng Phân trường không tham mưu cho lãnh đạo Công ty áp dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn các hành vi khai thác rừng trái phép.

Nhân viên Phân trường 1 đã không thực hiện theo Khoản 5 (Nhiệm vụ của các Phân trường) - Điều 12 - Mục V (Chương trình làm việc, hội họp của cơ quan, các tổ chức trực thuộc) của Quy chế làm việc của Công ty Lâm nghiệp E ban hành ngày 16/02/2019; Mục 1 (Trách nhiệm của Phân trường) của Nội quy, quy chế làm việc của lực lượng quản lý bảo vệ rừng ban hành ngày 20/4/2016 của Công ty Lâm nghiệp E; Mục 2, Phần II (Nội dung triển khai) của Kế hoạch số 01/KH-CT ngày 28/01/2019 triển khai thực hiện tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn Công ty Lâm nghiệp E năm 2019. Cụ thể:

Từ khi được điều động nhận công tác tại Phân trường 1 thì Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2 cùng với nhân viên Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng phụ trách địa bàn đều đã thực hiện tuần tra bảo vệ rừng tại Tiểu khu 686, 692, nhưng không phát hiện vụ việc khai thác rừng trái phép; từ tháng 4/2019 - 18/8/2019 (trên 04 tháng), nhân viên Phân trường 1 không thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra rừng tự nhiên tại các Tiểu khu được giao quản lý mà chỉ đi tuần tra khu vực rừng trồng và đi đến bìa rừng thì quay về; trong giai đoạn từ tháng 4/2019 - 18/8/2019, trụ sở làm việc của Phân trường 1 được sửa chữa, tất cả các nhân viên Phân trường 1 vào phân trường làm việc vào buổi sáng đến khoảng 17 giờ hàng ngày thì về nhà, không tổ chức trực đêm, tuần tra; nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn các đối tượng khai thác rừng trái phép với khối lượng lớn trong thời gian dài, gây hậu quả thiệt hại 296,089 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII trị giá 1.167.326.400 đồng thuộc rừng tự nhiên chức năng Phòng hộ và rừng tự nhiên chức năng Sản xuất, tại Tiểu khu 692, 686, xã C2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị khai thác trái phép; không áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối tượng vi phạm; lập biên bản, khoanh vùng, đánh dấu ghi nhận, cập nhật diễn biến rừng để báo cáo lãnh đạo Công ty theo đúng nội quy, quy chế làm việc của Công ty và lực lượng quản lý bảo vệ rừng đề ra (BL: 1829-1854; 1954-1972; 2083-2105; 2211-2223).

Như vậy, Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1 và Nguyễn Văn T2 là những người có chức trách, nhiệm vụ trong việc tuần tra, kiểm tra quản lý ... đối với các tiểu khu 692, 686 thuộc địa bàn xã C2, huyện E, nhưng trong một thời gian dài Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1 và Nguyễn Văn T2 thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao: Cụ thể là không thực hiện đúng các nội quy, quy chế của Công ty, không tiến hành tuần tra, kiểm tra nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn các đối tượng khai thác rừng trái phép trong một thời gian dài, gây hậu quả thiệt hại 296,089 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII (thuộc rừng tự nhiên chức năng Phòng hộ và rừng tự nhiên chức năng Sản xuất) bị khai thác trái phép với tổng giá trị tài sản thiệt hại được định giá 1.167.326.400 đồng.

Thu giữ, xử lý vật chứng;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ, xử lý vật chứng vụ án, gồm:

- Đối với 296,089 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII, tổng trị giá 1.167.326.400 đồng đã được xử lý tại bản án số 101/2020/HSST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với 01 máy tính xách tay, màu trắng; nhãn hiệu TOSHIBA Satellite L40-A; Seri: YD 039560P; được tạm giữ tại trụ sở Công ty Lâm nghiệp E, là thiết bị được Công ty Lâm nghiệp E giao cho Phan Văn Đ để sử dụng phục vụ công tác.

- Đối với 09 điện thoại di động của các bị can:

01 điện thoại di động của Đào Thanh H2 nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime SM-G610 F/PS, mặt sau màu vàng nhạt, mặt trước màu trắng; Seri: R58HC56G-D8M; IMEI1: 355228084367919; IMEI2: 355229084367917, 01 Sim điện thoại di động mạng Vinaphone Seri: 898402000, 10823892690, 01 Sim điện thoại di động Viettel Seri: 898404800881 8473282;

01 điện thoại di động của Nguyễn Hữu Th nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J5, màu vàng nhạt, Model SM-J510 FN/DS, phiên bản 2016; IMEI1: 357202078878858; IMEI2: 357203078878856, 01 Sim điện thoại di động số thuê bao 0985780701, Seri: 89840 4883100 8290378;

01 điện thoại di động của Lưu Minh Th1 nhãn hiệu NOKIA, màu xanh đen; Model 1280; IMEI: 353667/05/226059/2; ID 2010 CP0805, 01 Sim điện thoại di động Seri 89840 20001 07760 04442;

01 điện thoại di động của Nguyễn Văn T2 nhãn hiệu GIGI, màu đen - đỏ; IMEI1: 356180601656341; IMEI2: 356180601656358, 01 Sim điện thoại di động Seri 8984 048 0000 32012266;

01 điện thoại di động của Nguyễn Hồng M nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu vàng trắng, số máy MGAK 2LL/A; Seri: F2M BLJ7HG5QY; IMEI: 359240062990071; Số ICCID: 89840200010610829442; MEID: 35924006299007, 01 Sim điện thoại di động Seri 89840200010610829442;

01 điện thoại di động của Phan Văn Đ nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 Prime, màu Vàng - nâu; số kiểu máy SM-G610F/DS; Seri máy: R58HC 3K3KSE; IMEI1: 355228083257558; IMEI2: 355229083257556, 01 Sim điện thoại di động Mobifone Seri 1610337701122;

01 điện thoại di động của Nguyễn Văn V nhãn hiệu IPHONE, màu đen, Seri 358712090358183, 01 Sim điện thoại Seri 89840 20001 08885 95295;

01 điện thoại di động của Phạm Văn K nhãn hiệu SAMSUNG, màu trắng; IMEI1: 355915104422514/01; IMEI 2: 355916104422512/01; 01 Sim điện thoại Mobifone Seri 8401-1908-1225-8542WD; 01 Sim điện thoại Viettel Seri 8984-0400-00685-31480; 01 thẻ nhớ Micro SD 2GB;

01 điện thoại di động của Nguyễn Phước H1 nhãn hiệu NOKIA, Type RM-638, Model 6303ci; IMEI: 354867/04/308702/6; 01 Sim điện thoại di động Mobifone Seri 8401 1911 3333 8481 WD, số thuê bao 0905318131.

Ngoài ra, quá trình khám xét tại nơi ở và nơi làm việc của các bị can, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn phát hiện thu giữ các giấy tờ được thể hiện tại Biên bản khám xét nơi làm việc và chỗ ở cần lưu hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hồng M, Phan Văn Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn K, Nguyễn Phước H1, Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1 và Nguyễn Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị can phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng M, Phan Văn Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn K và Nguyễn Phước H1 đã phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1 và Nguyễn Văn T2 đã phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Hồng M 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021.

Xử phạt: Phan Văn Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021.

Xử phạt: Nguyễn Văn V 04(bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 15/4/2021.

Xử phạt: Phạm Văn K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt: Nguyễn Phước H1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 03/12/2020 đến ngày 04/02/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Đào Thanh H2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/4/2020.

Xử phạt: Nguyễn Hữu Th 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/4/2020.

Xử phạt: Lưu Minh Th1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 14/01/2020 đến ngày 04/4/2020.

Xử phạt: Nguyễn Văn T2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 04/4/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2022, bị cáo Nguyễn Hồng M kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại đối với diện tích và trữ lượng rừng, áp dụng BLHS năm 1999 và Nghị quyết 41 để xét xử bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Phước H1, Phạm Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Các Bị cáo Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với thời gian trữ lượng rừng bị mất; trường hợp không thể giám định được thì tuyên bị cáo vô tội.

Các bị cáo Phan Văn Đ và Đào Thanh H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Phước H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Hồng M, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2, Phan Văn Đ và Đào Thanh H2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Văn K thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo sang đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm như sau: Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các bị cáo kháng cáo điều kêu oan không phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra chưa đầy đủ, chưa phân hóa rõ hành vi phạm tội đối với từng bị cáo, chưa xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”, quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự là chưa có căn cứ

vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, 358 BLTTHS hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày tranh luận:

Luật sư Tạ Minh Trình bào chữa cho các bị cáo Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Hữu Th cho rằng: tại hồ sơ vụ án không có quyết định nào phân công nhiệm vụ cho 03 bị cáo này. Các bị cáo đều làm việc theo hợp đồng với thời gian làm việc trong ngày nhất định. Các lịch công tác là chứng cứ quan trọng nhưng các bị cáo lại cho rằng đã được làm lại sau khi khởi tố vụ án. Việc giám định xác định trữ lượng rừng bị mất, xác định thời gian cây rừng bị đốn hạ chưa được làm rõ. Năm 2022, Chi cục kiểm lâm mới được công nhận là giám định theo vụ việc. Ông Nguyễn Đức Đ3 là giảng viên Khoa nông lâm Trường đại học Tây Nguyên nhưng thực hiện công tác giám định là không đúng. Trong quá trình công tác của mình có những bị cáo không thể chịu trách nhiệm toàn bộ theo kết quả giám định. Từ đó tôi đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại, trong đó cần trung cầu giám định tư pháp để có căn cứ chính xác buộc tội các bị cáo. cấp sơ thẩm cũng đã từng đề nghị điều tra bổ sung, nhưng VKS tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quan điểm là không đúng pháp luật.

Luật sư Đặng Tiến bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng M trình bày: qua tranh tụng, tôi đồng ý với quan điểm đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng cũng như bản án sơ thẩm cũng nhận định kiến nghị hủy án. Tại phiên tòa ông Hồ Văn L1 cho biết năm 2022 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk mới có tư cách để giám định theo vụ việc. Ông Nguyễn Đức Đ3 cũng không đủ tư cách để tham gia tư cách giám định viên. Việc mất rừng là có nhưng vẫn chưa làm rõ thời điểm mất rừng. Trong đó bị cáo M có giai đoạn hết thời gian được bổ nhiệm nhưng vẫn bị xác định trách nhiệm đối với sản lượng rừng đã mất. Vì vậy tôi đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại những vấn đề không thể làm rõ tại phiên tòa hôm nay.

Luật sư Đặng Ngọc H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước H1: quan điểm của tôi cũng đồng quan điểm với Kiểm sát viên và với các luật sư đồng nghiệp. Việc quản lý bảo vệ rừng, ngoài chủ rừng còn có các cơ quan chức năng của tỉnh, trong đó có Chi cục kiểm lâm. Việc các cán bộ của Chi cục kiểm lâm giám định để giải quyết vụ án là không đúng quy định. Đề nghị khi giám định lại phải phân hóa rõ thời gian, trách nhiệm của từng cá nhân. Đối với ông Nguyễn Phước H1 thì cần làm rõ xem ông có phải chịu trách nhiệm việc mất rừng hay không. Tôi đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại, vì chưa có căn cứ buộc tội các bị cáo.

Luật sư Lê Thị Bích H4 bào chữa cho bị cáo Phan Văn Đ nêu quan điểm: tôi xét thấy các luật sư đồng nghiệp đã trình bày rất rõ việc vi phạm tố tụng

trong việc giám định của vụ án. Nhiều tài liệu cũng thể hiện việc tồn tại những khối gỗ đã bị mục, mọc rêu xanh nhưng chưa được làm rõ thời gian đốn hạ, làm cơ sở trong việc đề nghị chịu trách nhiệm đối với các bị cáo. Ở cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự khi có yêu cầu là vi phạm thủ tục tố tụng hình sự. Thực tế trong quá trình khám nghiệm hiện trường, cơ quan điều tra làm việc với các hộ dân lân chiêm thì có thể hiện các hộ dân lân chiêm từ năm 1988. Hành vi của các bị cáo được xác định là từ năm 2014, khi BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng lại áp dụng BLHS năm 2015 để xét xử các bị cáo nên cần phải xem xét lại. Vì vậy đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Việc trưng cầu giám định và kết luận giám định không thực hiện đúng quy định của Luật giám định tư pháp 2012 đồng thời các kết luận giám định trong vụ án này cũng không chính xác về mặt nội dung, do vậy, việc kết luận thiệt hại của vụ án là hơn 29 tỷ là hoàn toàn không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty Lâm nghiệp E là đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý bảo vệ rừng; trong một thời gian từ năm 2015-2019 tài nguyên rừng thuộc lâm phần do Công ty Lâm nghiệp E bị thiệt hại theo như kết quả giám định, định giá là 29.408.794.002 đồng (gồm: 296,089 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII, thuộc rừng tự nhiên chức năng Phòng hộ và rừng tự nhiên chức năng Sản xuất, trị giá 1.167.326.400 đồng; và 302,82 ha rừng tự nhiên tại thời điểm tháng 01/2015 có trữ lượng gỗ 28.788,13 m³ trị giá 28.241.467.602 đồng) tại các xã C2, C4, Cư ELang, C3, huyện E, cụ thể: Nguyễn Hồng M - nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc; Phan Văn Đ - nguyên Phó Giám đốc; Nguyễn Văn V - nguyên Trưởng phòng kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng, đã thiếu kiểm tra, chỉ đạo, giám sát hoạt động của cấp dưới, buông lỏng quản lý, dẫn đến thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, nên phải chịu trách nhiệm đối với tổng giá trị thiệt hại tài nguyên rừng của Công ty Lâm nghiệp E từ năm 2015 - 2019 là 29.408.794.002 đồng. Phạm Văn K, Nguyễn Phước H1, là nhân viên Phân trường 3 thuộc Công ty Lâm nghiệp E, cũng vì thiếu trách nhiệm mà thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn các đối tượng hủy hoại rừng, khai thác rừng trái phép, dẫn đến hậu quả thiệt hại tài nguyên rừng tại tiểu khu 667, 670, 675a do Phân trường 3 quản lý từ năm 2015 - 2019 là 135,17 ha, có trữ lượng 14.095,02 m³ gỗ với giá trị lâm sản 13.858.383.292 đồng. Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2, là những người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý bảo vệ rừng tại Phân trường 1 thuộc Công ty Lâm nghiệp E nhưng vì thiếu trách

nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn các đối tượng khai thác rừng trái phép tại các Tiểu khu 692, 686, Lâm phần của Phân trường 1 gây hậu quả thiệt hại 296,089 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII (thuộc rừng tự nhiên chức năng Phòng hộ và rừng tự nhiên chức năng Sản xuất) với tổng giá trị tài sản theo hồ sơ vụ án là thiệt hại 1.167.326.400 đồng. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Hồng M, Phan Văn Đ, Nguyễn Văn V, Phạm Văn K và Nguyễn Phước H1 về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Đào Thanh H2, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1 và Nguyễn Văn T2 đã phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồng M, Nguyễn Văn V, Nguyễn Phước H1, Phạm Văn K, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2, Phan Văn Đ và Đào Thanh H2, thấy:

[2.1] Việc mất rừng không chỉ là lâm tặc khai thác mà còn có việc phá rừng lấy đất làm đất rẫy của các hộ dân từ nhiều năm trước đây; các bị cáo khai đã làm báo cáo kiến nghị gửi cấp trên là UBND huyện E và UBND tỉnh Đắk Lắk nhiều lần trước đây, đề nghị thu hồi đất bị lấn chiếm để trồng rừng hoặc trả lại cho địa phương nhưng vẫn chưa được xem xét giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho UBND tỉnh Đắk Lắk cũng nêu ra những khó khăn bất cập của Công ty Lâm nghiệp E, đó là: Cơ chế, chính sách về quản lý bảo vệ phát triển rừng còn thiếu đồng bộ, còn nhiều bất cập, đặc biệt về vấn đề nghĩa vụ trách nhiệm của chủ rừng, chủ quản lý sử dụng rừng tự nhiên, rừng sản xuất chưa quy định rõ ràng; hơn nữa trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng chưa cụ thể, chưa có chế tài xử lý vi phạm đối với chủ rừng để xảy ra mất rừng nên không có cơ sở đề xuất xử lý chủ rừng. Nguồn vốn, kinh phí Nhà nước đầu tư cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế so với thực tế, hàng năm chỉ đáp ứng được 30% chi phí trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng nói chung. Nguồn kinh phí theo cơ quan điều tra ghi nhận trong vụ án này từ 2015-2019 là 8.328.630.295 đồng để quản lý cho 8.423 ha, tính bình quân 1ha chưa tới 200.000 đồng/năm; đây là quá thấp so với thực tế. Theo Quyết định số 38/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng trong điều kiện bình thường thì giá định khung chi phí quản lý bảo vệ rừng năm khoảng 873.600 đồng tới 1.000.000 đồng. Trong điều kiện chi phí quá thấp như vậy, sự việc xảy ra tại Công ty Lâm nghiệp E, diện tích thì quá lớn, lực lượng chuyên trách mỏng, sự phối hợp của lực lượng quản lý bảo vệ rừng của các cơ quan khác chưa chặt chẽ nên UBND tỉnh không đặt ra vấn đề bồi thường trong vụ án này.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan cảnh sát điều tra không xác định được thời điểm rừng bị khai thác, không phân tách được mức độ thiệt hại theo mốc thời gian cụ thể để xác định diện tích rừng các hộ dân khai hoang, lấn chiếm có nằm trong phần diện tích mất rừng trong vụ án này không là thiếu sót, mà phải xác định được thời gian các bị cáo công tác phù hợp với thời gian rừng bị thiệt hại. Ngoài ra cần phải xác định cụ thể việc các bị cáo được phân công nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, nhưng không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ có phù hợp với thời gian, số lượng gỗ bị khai thác trái phép hay không. Từ đó, mới xác định thiệt hại bằng việc định giá tài sản để làm căn cứ cho việc áp dụng khung hình phạt đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của từng bị cáo. Vì vậy trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nhiều lần để điều tra bổ sung nhiều nội dung chưa được làm rõ mà tại phiên tòa không thể bổ sung được, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quan điểm và Cáo trạng số 56/CT-VKS-P3 ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là chưa có căn cứ vững chắc.

[2.3] Mặt khác, Bản kết luận điều tra và Cáo trạng không đề cập đến việc xử lý trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo như thế nào. Cũng chưa thu thập các tài liệu liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chưa làm rõ quan điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk với tư cách là cơ quan đại diện cho Nhà nước về quyền quản lý sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh, nếu có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì cần phải xem xét giải quyết trong cùng vụ án, nội dung này cũng đã được trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng không được thực hiện, là không giải quyết triệt để vụ án.

[3] Do có nhiều thiếu sót như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo; chấp nhận đề nghị của các luật sư; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Do hủy bản án để điều tra truy tố xét xử lại nên các phần khác của bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo bị cáo Nguyễn Hồng M, Nguyễn Văn V, Nguyễn Phước H1, Phạm Văn K, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2, Phan Văn Đ và Đào Thanh H2.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Các bị cáo Nguyễn Hồng M, Nguyễn Văn V, Nguyễn Phước H1, Phạm Văn K, Nguyễn Hữu Th, Lưu Minh Th1, Nguyễn Văn T2, Phan Văn Đ và Đào Thanh H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/8/2022)./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường